

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2022/DS-ST

Ngày: 03-8-2022

V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng góp hội và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Ông Lê Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp dân sự hợp đồng góp hội và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 249/50/48, tổ 4, Khu 8, đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền: anh Quách Thanh P, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang

2/ Chị Huỳnh Thị Xuân T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 845, C, khóm T, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang.

3/ Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 309, đường C, khóm T, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang.

4/ Chị Trương Thị Mỹ X, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Quách Thanh P, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang

5/ Chị Nguyễn Thị Mộng L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 123/3, T, khóm T, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang

6/ Chị Kiều Thị Kim N, sinh năm 1976

Địa chỉ: F105, 65-67, Đ, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: chị Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khóm Mỹ L, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang

7/ Chị Phạm Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 639, tổ 13, C, khóm T, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1983 và anh Phó Hoàng T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 67, C, Khóm Mỹ L, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phó Hoàng T, sinh năm 1980 (đồng thời là bị đơn)

Địa chỉ: Số 67, C, Khóm Mỹ L, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang.

(Chị T, chị N, chị T có mặt; Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa các nguyên đơn trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim P và anh Phó Hoàng T có giao kết hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội, chị P và anh T là chủ hội và các nguyên đơn là hội viên. Do anh T và chị P vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, anh chị bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 02/2021 đến nay không trở về địa phương, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị P có nghĩa vụ liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền hội và tiền vay, cụ thể như sau:

*** Chị Phạm Thị H do anh Quách Thanh P đại diện theo ủy quyền yêu cầu:**

Chị H và chị P là chị em bạn dì (mẹ của chị H và mẹ của chị P là chị em ruột), hai bên gia đình thường xuyên qua lại nên chị H biết chị P làm chủ hội nhiều năm có uy tín. Vì thế khi nghe chị P có lời mời tham gia hội và chị H tin tưởng tham gia nhiều dây hội, mỗi dây hội chị P đều nói có 30 phần, cuối tháng chị P cho biết số tiền PH đóng hội trong tháng là bao nhiêu thì chị H sẽ chuyển khoản cho chị P qua 02 số tài khoản 070094712937 và

6704262002056, chị P không đưa danh sách hội, cụ thể từng dây hội như sau:

1/ Dây hội khui ngày 19/11/2019 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hội này chị mua 01 phần hội với giá 108.000.000 đồng.

2/ Dây hội khui ngày 19/12/2019 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hội này chị tham gia 02 phần với số tiền 112.800.000 đồng. Cả hai dây hội nêu trên chị chuyển khoản cho chị P vào ngày 18/12/2019 và ngày 19/12/2019

3/ Dây hội khui ngày 16/12/2019 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hội này chị mua 01 phần hội với giá 66.000.000 đồng. chị H chuyển khoản cho chị P vào ngày 07/02/2020

4/ Dây hội khui ngày 12/9/2019 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hội này chị tham gia 01 phần.

5/ Dây hội khui ngày 29/12/2019 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hội này chị tham gia 01 phần.

6/ Dây hội khui ngày 06/12/2020 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hội này chị tham gia 02 phần.

Ngoài 02 lần chuyển tiền hội ngày 18/12/2019 và ngày 19/12/2019 thì hàng tháng khi chị P thông báo tiền hội pH đóng bao nhiêu chị H chuyển khoản cho chị P.

Hình thức mua hội như sau: hội viên không hốt được hội nhưng cần tiền nên chị P nói với chị H đưa chị P số tiền 108.000.000 đồng để đưa cho hội viên cần hốt, sau đó hàng tháng hội viên đó sẽ châu hội chết cho chị P, đến khi hội mãn thì chị H sẽ được nhận hội 108.000.000 đồng và tiền lãi hội theo thỏa thuận.

Ngoài ra, chị H còn cho chị P vay tổng số tiền 110.000.000 đồng qua các lần chuyển khoản vào số tài khoản đã nêu ở trên cụ thể:

Ngày 14/5/2020 âm lịch chị P vay 30.000.000 đồng

Ngày 07/6/2020 âm lịch chị P vay 10.000.000 đồng

Ngày 26/8/2020 âm lịch chị P vay 30.000.000 đồng

Ngày 13/01/2021 âm lịch chị P vay 20.000.000 đồng

Ngày 18/9/2020 âm lịch chị P vay 20.000.000 đồng

Nay chị H yêu cầu anh Phó Hoàng T và chị Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H tiền hội và tiền vốn vay 505.000.000 đồng.

*** Chị Huỳnh Thị Xuân T yêu cầu:**

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 7/2020 chị Tiên có tham gia chơi nhiều dây hội do vợ chồng chị P và anh Tầm chủ hội, cụ thể như sau:

1/ Dây hội khui ngày 16/6/2019 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hội có 26 phần, chị tham gia 2 phần, trong danh sách hội có số thứ tự 9, 10 tên “Xuân Tiên”. Đóng hội đến lần thứ 18 đến

tháng 01/2021 thì chị P ngưng hụi và bỏ đi. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (18 lần x 3.000.000đ x 2 phần) = **108.000.000 đồng**

2/ Dây hụi khai ngày 29/7/2019 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 27 phần, chị tham gia 2 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự 17, 18 tên “Xuân Tiên”. Đóng hụi đến lần thứ 17. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (17 lần x 3.000.000đ x 2 phần) = **102.000.000 đồng**

3/ Dây hụi khai ngày 09/9/2019 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 24 phần, chị tham gia 2 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 3, 4 tên “Xuân Tiên”. Đóng hụi đến lần thứ 16 đến tháng 01/2021 thì chị P ngưng hụi và bỏ đi. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (16 lần x 5.000.000đ x 2 phần) = **160.000.000 đồng**

4/ Dây hụi khai ngày 02/01/2020 âm lịch, loại hụi 10.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 20 phần, chị tham gia 2 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 1, 2 tên “Xuân Tiên”. Đóng hụi đến lần thứ 12 đến tháng 01/2021 thì chị P ngưng hụi và bỏ đi. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (12 lần x 10.000.000đ x 2 phần) = **240.000.000 đồng**

5/ Dây hụi khai ngày 02/6/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, 10 ngày khai một lần, dây hụi có 24 phần, chị tham gia 4 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 9, 10, 11, 12 tên “Xuân Tiên”. Đóng hụi đến lần thứ 17 đến tháng 01/2021 thì chị P ngưng hụi và bỏ đi. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là (17 lần x 1.000.000đ x 4 phần) = **68.000.000 đồng**

Tổng cộng 5 dây hụi do vợ chồng chị P làm chủ hụi chị đã châu tiền vốn khoảng 580.000.000 đồng, số tiền được hưởng theo thỏa thuận là 678.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị P còn tham gia hụi do chị Tiên làm chủ, đã hốt hụi còn nợ lại số tiền hụi chết chưa châu, cụ thể: Dây hụi khai ngày 06/9/2018 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 30 phần, chị tham gia 2 phần. Chị P đã hốt hết 02 phần hụi vào kỳ khai thứ 4 và thứ 5. Sau khi hốt hụi chị P đã châu hụi chết đến tháng 11/2020 âm lịch, còn nợ lại 02 lần hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền chị P và anh T còn nợ chị Tiên là 698.000.000 đồng.

Nay chị Tiên yêu cầu chị P và anh T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị Tiên số tiền hụi 698.000.000 đồng.

*** Chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu:** Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Phó Hoàng T làm chủ hụi hơn mười năm nhưng chị Trang bắt đầu tham gia hụi của chị P từ năm 2016. Hiện nay còn tham gia 02 dây hụi như đơn khởi kiện cụ thể:

1/ Dây hụi khai ngày 29/7/2019 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 27 phần, chị Trang tham gia 01 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 13 tên “Trang”. Đóng hụi đến lần thứ 19 là ngày 18/02/2021 dương lịch thì chị Phương bỏ đi. Hụi mãn vào ngày 29/8/2021 âm lịch. Số tiền vốn hụi 38.400.000 đồng. Số tiền được hưởng theo thỏa thuận là 57.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện chị Trang yêu cầu 02 phần hụi, ngoài phần hụi có thứ tự 13 thì chị Trang kiện phần còn lại số thứ tự 12 tên “Chị Út”, phần này là của mẹ chị. Nên chị thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu 01 phần hụi của chị Trang, không yêu cầu phần hụi có tên “Chị Út”.

Như vậy, đối với dây hụi này chị Trang yêu cầu chị P và anh Tcó nghĩa vụ trả cho chị Trang tiền vốn hụi và lãi hụi đã thỏa thuận là 57.000.000 đồng.

2/ Dây hụi khui ngày 09/9/2019 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi có 24 phần, chị Trang tham gia 01 phần, trong danh sách hụi có số thứ tự số 10 tên “Trang”. Đóng hụi đến lần thứ 18 là ngày 26/02/2021 dương lịch thì chị P bỏ đi. Hụi mẫn vào tháng 6/2021 âm lịch. Số tiền vốn hụi 55.320.000 đồng. Số tiền được hưởng theo thỏa thuận là 90.000.000 đồng.

Chị Trang yêu cầu Tòa án buộc chị P và anh Tcó nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị Trang số tiền hụi 147.000.000 đồng.

*** Chị Trương Thị Mỹ X do anh Quách Thanh P đại diện theo ủy quyền yêu cầu:**

Do có bà con với nhau (chồng chị Xuân với chị P là bạn dì ruột, chị P vai chị) nên trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 chị Xuân có tham gia và mua nhiều dây hụi do vợ chồng chị P và anh Tlàm chủ, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi khui ngày 26/8/2018 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi có 28 phần, chị tham gia 2 phần, Chị P không đưa danh sách hụi cho chị Xuân. Đóng hụi đến lần thứ 26 thì chị P ngưng hụi và bỏ đi. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là $(26 \text{ lần} \times 3.000.000\text{đ} \times 2 \text{ phần}) = 156.000.000$ đồng. Sau khi mẫn hụi chị P có đưa cho chị Xuân 114.000.000 đồng, hiện nay còn nợ chị Xuân 42.000.000 đồng.

2/ Dây hụi khui ngày 19/5/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi có 26 phần, chị tham gia 2 phần. Đóng hụi đến lần thứ 5. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là $(5 \text{ lần} \times 5.000.000\text{đ} \times 02 \text{ phần}) = 50.000.000$ đồng

3/ Ngoài ra chị Xuân còn mua 01 phần hụi trong dây hụi ngày 19/5/2020 âm lịch, với số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 28/7/2022 chị Xuân có đơn yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

*** Chị Nguyễn Thị Mộng L yêu cầu:** Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 chị Linh có tham gia nhiều dây hụi do chị P làm chủ, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi khui ngày 16/6/2019 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi có 26 phần, chị tham gia 1 phần. Trong danh sách hụi có số thứ tự số 21 tên “Linh”. Đóng hụi đến lần thứ 20. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là $(20 \text{ lần} \times 3.000.000\text{đ} \times 1 \text{ phần}) = 60.000.000$ đồng

2/ Dây hụi khui ngày 09/9/2019 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi có 24 phần, chị tham gia 4 phần. Trong danh sách hụi có số thứ tự số 13,14,15,16 tên “Linh”. Sau khi chơi hụi đã hết 01

phần hụi, còn lại 03 phần hụi sống đã châu 17 lần. Số tiền theo thỏa thuận là 255.000.000 đồng, khấu trừ tiền hụi chết đã hót còn 7 lần chưa châu 35.000.000 đồng. Trong dây hụi này chị P và anh T còn nợ chị số tiền **220.000.000 đồng**.

3/ Dây hụi khai ngày 02/01/2020 âm lịch, loại hụi 10.000.000 đồng, một tháng khai một lần, dây hụi có 20 phần, chị tham gia 2 phần. Trong danh sách hụi có số thứ tự số 8, 9 tên “Linh”. Đóng hụi đến lần thứ 13. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là $(13 \text{ lần} \times 10.000.000\text{đ} \times 2 \text{ phần}) = \mathbf{260.000.000 \text{ đồng}}$

Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu 3 phần hụi nhưng trong danh sách hụi số thứ tự 10 tên “HẠNH” là phần hụi của chị gái chị Linh nên chị Linh rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần hụi này, chỉ yêu cầu 02 phần hụi. Ý kiến này thay cho đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện

4/ Dây hụi khai ngày 19/4/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 24 phần, chị tham gia 2 phần. Trong danh sách hụi có số thứ tự số 8, 9 tên “LINH”. Đóng hụi đến lần thứ 9. Số tiền vốn hụi và lãi hụi là $(9 \text{ lần} \times 5.000.000\text{đ} \times 2 \text{ phần}) = \mathbf{90.000.000 \text{ đồng}}$

Theo đơn khởi kiện, chị Linh yêu cầu 6 phần nhưng có 4 phần tại số thứ tự 10, 11, 12, 13 tên “HẠNH” và có 01 phần chị Hạnh đã hót hụi, nên chị Linh thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu 02 phần hụi tên “LINH”.

Nay chị Linh yêu cầu chị P có nghĩa vụ trả lại tiền hụi theo thỏa thuận là 630.000.000 đồng.

*** Chị Kiều Thị Kim N yêu cầu:**

Chị Nam và chị P là chị em bạn dì với nhau, khoảng đầu tháng 8/2019, chị P có điện thoại rủ chơi hụi do chị P làm chủ, hụi khai ngày 29/8/2019 (nhằm 29/7 âm/2019), hụi 3.000.000 đồng/tháng, 27 phần, loại hụi hoa hồng, mỗi lần khai hụi, hụi viên nào bỏ hụi cao sẽ được lĩnh hụi và đưa chủ hụi tiền hoa hồng 1.500.000 đồng. Chị Nam có yêu cầu chị P đưa danh sách hụi viên nhưng chị P không đưa mà nói khi nào chị Nam cần hót hụi thì chị P sẽ tìm cách giải quyết cho chị. Chị Nam tham gia 05 phần, đã hót 02 phần (lần thứ nhất vào ngày 29/3/2020, bỏ hụi 1.100.000 đồng, tiền hụi hót được 58.200.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 29/8/2020 bỏ hụi 1.200.000 đồng, tiền hụi hót được 60.600.000 đồng). 02 phần hụi chết và 03 phần hụi sống đóng đến 29/12 âm/2020. Tiền hụi chết hai phần pH đóng đến khi mãn hụi (Hụi mãn vào ngày 29/8 âm/2021) là 7 tháng với số tiền 42.000.000 đồng.

Tiền 03 phần hụi sống đã đóng cho chị P $(3.000.000 \text{ đ} \times 19 \text{ tháng}) \times 3 \text{ phần} = 171.000.000 \text{ đồng}$.

Sau khi trừ vào tiền hụi chết chị Nam pH đóng thì chị P pH trả 129.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị P có tham gia hụi 06 dây hụi do chị Nam làm chủ, hụi 5.000.000đ/tháng, loại hụi hoa hồng, mỗi dây hụi 12 phần, khai cùng ngày 04/01/2021, lúc đầu chị P tham gia mỗi dây 01 phần, tương đương 06 dây là 06 phần; lần khai hụi đầu tiên chị P hót 04 phần của 04 dây được tổng cộng 154.800.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng), nên chị Nam không cho P tham gia

02 dây còn lại cho nên P tham gia 04 phần. Sau khi hốt P đóng được 91.000.000 đồng tiền hụi chết. Còn nợ lại chị Nam 109.000.000 đồng. Tổng cộng P nợ chị Nam 238.000.000 đồng

Chị Nam yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim P trả lại số tiền 238.000.000 đồng.

* **Chị Phạm Thị T yêu cầu:** Chị Thắm và vợ chồng chị P với anh T là bạn bè. Chị tham gia 02 dây hụi do chị P làm chủ và 02 dây hụi chơi dùm chị P, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi khai ngày 19/4/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 24 phần, chị tham gia 1 phần. Trong danh sách hụi có số thứ tự số 7 tên “CHỊ THẮM”. Đóng hụi đến lần thứ 9. Số tiền vốn hụi 29.700.000 đồng.

2/ Dây hụi khai ngày 06/5/2020 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 25 phần, chị tham gia 2 phần. Trong danh sách hụi có số thứ tự số 21, 22 tên “CHỊ THẮM”. Đóng hụi đến lần thứ 9. Số tiền vốn hụi 37.800.000 đồng

Tham gia chơi dùm cho chị P 02 dây hụi cụ thể:

1/ Dây hụi khai ngày 01/7/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/nửa tháng, dây hụi có 30 phần, chị tham gia 1 phần. Chị P đã hốt hụi lần khai thứ 3. Chị P chầu hụi chết đến ngày 16/01/2021 được 12 lần thì ngưng (kể cả lần chị P hốt hụi), nên dây hụi này chị P còn thiếu chị Thắm 18 lần hụi chết với số tiền là 36.000.000 đồng.

2/ Dây hụi khai ngày 24/12/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng/ngày, dây hụi có 81 phần, chị P tham gia 2 phần. Chị P đã hốt hụi lần khai thứ 1 và thứ 2. Chị P chầu hụi chết đến ngày 17/01/2021 âm lịch được 23 lần thì ngưng (kể cả lần chị P hốt hụi), nên dây hụi này chị P còn thiếu chị Thắm 58 lần hụi chết với số tiền là 58.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị P còn vay 170.000.000 đồng nhưng theo biên nhận chỉ ghi 100.000.000 đồng do chị P viết và ký tên, phần tiền 70.000.000 đồng chị P nói vay vài ngày rồi trả lại nên không làm biên nhận cho chị Thắm. Trong Biên nhận có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 10 ngày, không ghi lãi vay nhưng hai bên có thỏa thuận miệng khi nào trả vốn sẽ trả lãi. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Thắm yêu cầu chị P và anh T trả vốn vay 170.00.000 đồng. Tại phiên tòa chị Thắm rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 70.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả lại vốn vay 100.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Kim P và anh Phó Hoàng T trả tiền hụi và vay tổng cộng 261.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết án Tòa án tiến hành xác minh ông Nguyễn Văn Lục cho biết ông là cha ruột của chị P, anh T và chị P là vợ chồng. Mẹ của chị P là bà Dương Thị Hôm cho biết chị Phạm Thị H và chị Kiều Thị Kim N là cháu ruột của bà Hôm, chị Xuân là cháu dâu của bà Hôm. Chị P làm chủ hụi từ thời gian nào bà không biết. Tháng 02/2021 chị P và anh T bỏ địa phương. Có nhiều hụi viên đến tìm chị P nên chị gọi điện thoại cho chị P thì chị Phượng cho biết

hiện nay đang ở huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể, chị P còn cho biết có thiếu nợ và đồng ý trả nhưng không nói rõ nợ của ai và nợ bao nhiêu, chỉ nói thiếu chị Nam khoảng 220.000.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh An Giang và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phú Tân cung cấp thông tin số tài khoản 070094712937 và 6704262002056 của chị Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 26/3/1983, địa chỉ Khóm Mỹ L, thị trấn P, huyện C, tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt khi xét xử không rõ lý do, cho thấy với bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng chưa nghiêm.

Về giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ T và Nguyễn Thị Mộng L, vì còn trong phạm vi đơn khởi kiện theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chị Trương Thị Mỹ X rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh T và chị P. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Mỹ X.

Về giải quyết vụ án: căn cứ các sổ hội, danh sách hội, biên nhận nợ vay, các chứng từ chuyển khoản giao dịch qua hệ thống ngân hàng, lời trình bày của nguyên đơn, những người làm chứng thì chị P và anh T có tham gia làm chủ hội, có vay tiền của nguyên đơn và còn nợ số tiền như các nguyên đơn yêu cầu. Việc chị P và anh T không trả tiền hội, tiền vay cho các nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó yêu cầu của các nguyên đơn có căn cứ.

Căn cứ Điều 5, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn:

Buộc chị Nguyễn Thị Kim P và anh Phó Hoàng T có nghĩa vụ liên đới trả cho các nguyên đơn tiền hội, tiền vay với số tiền cụ thể như sau:

1. Chị Phạm Thị H 505.000.000 đồng
2. Chị Huỳnh Thị Xuân T 698.000.000 đồng
3. Chị Nguyễn Thị Mỹ T 147.000.000 đồng
4. Chị Phạm Thị T 261.500.000 đồng

Buộc chị Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn tiền hội cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Mộng L 630.000.000 đồng

2. Chị Kiều Thị Kim N 238.000.000 đồng

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Chị P anh TpH chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi và tiền vay, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã tổng đạt, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng chị P và anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên Tòa án xét xử vắng mặt chị P và anh T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ T và Nguyễn Thị Mộng L. Việc thay đổi yêu cầu còn trong phạm vi đơn khởi kiện, phù hợp với Điều 5 Bộ luật tố Tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với phần rút yêu cầu của nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ X số tiền 172.000.000đ, chị Nguyễn Thị Thắm rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 70.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các phần rút yêu cầu khởi kiện. Sau này chị Xuân và chị Thắm được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật. Các đương sự không pH chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Các đương sự đều khai từ năm 2018 đến đầu năm 2021 có giao kết hợp đồng góp hụi, chị Nguyễn Thị Kim P và anh Phó Hoàng T là chủ hụi và nguyên đơn là hụi viên, loại hụi hoa hồng, đến kỳ mở hụi ai là người trả lãi cao nhất thì được hốt hụi, chủ hụi có trách nhiệm thu tiền của các hụi viên khác giao cho hụi viên được hốt và chủ hụi được hưởng một phần tiền hoa hồng theo thỏa thuận với hụi viên được hốt, nếu có hụi viên nào không góp

hội thì chủ hội có nghĩa vụ nộp thay cho hội viên đó và hội viên này sẽ trả lại cho chủ hội. Ngoài ra, còn có nguyên đơn mua hội và cho bị đơn vay tiền, bị đơn có viết biên nhận vay tiền của chị Thắm.

Các nguyên đơn góp hội, mua hội và cho bị đơn vay tiền qua các hình thức như giao tiền trực tiếp cho chị P hoặc anh T và chuyển tiền vào số tài khoản 070094712937 và 6704262002056 của chị Nguyễn Thị Kim P. Tháng 02/2021 chị P và anh T bỏ đi khỏi địa phương đến nay, nguyên đơn không rõ lý do.

[3.2] Xét yêu cầu của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là hình thức hội có lãi và hưởng hoa hồng, các nguyên đơn không nhớ số tiền hội vốn đã góp, tính mỗi lần châu hội sống là coi như có tiền lãi hội. Chứng cứ là sổ hội các nguyên đơn cùng tham gia có nội dung giống nhau và lời khai của nguyên đơn trùng khớp nhau về số tiền và số lần góp hội; biên nhận tiền vay do chị P viết phù hợp với số tiền nguyên đơn yêu cầu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Mặt khác mẹ ruột của chị P xác định bị đơn biết việc các nguyên đơn khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “ *Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”, Hội đồng xét xử khẳng định chị P và anh T có nhận số tiền góp hội, tiền mua hội và tiền vay của các nguyên đơn. Về tiền lãi hội, lẽ ra phải điều chỉnh tiền lãi trên tổng số tiền vốn góp mà các nguyên đơn đã thực nộp cho chị P theo mức lãi 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường, nhưng nguyên đơn không nhớ số tiền vốn góp bao nhiêu và chị P cũng không có văn bản trình bày số tiền hội vốn của nguyên đơn, nên không có căn cứ để xem xét điều chỉnh tiền lãi hội.

[3.4] Từ phân tích trên, căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Kim P và anh Phó Hoàng T phải có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn số tiền hội và tiền vay như Kiểm sát viên đề nghị nêu trên.

[4] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị P và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 471 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về
hộ, hui, biên, phường.

Căn cứ khoản 1 Điều 74, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân
sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của
Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim P và anh Phó Hoàng T có nghĩa vụ liên đới trả
cho các nguyên đơn tiền hui, tiền vay với số tiền cụ thể như sau:

- Chị Phạm Thị H 505.000.000 đồng
- Chị Huỳnh Thị Xuân T 698.000.000 đồng
- Chị Nguyễn Thị Mỹ T 147.000.000 đồng
- Chị Phạm Thị T 261.500.000 đồng

Buộc chị Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn tiền hui
cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị Mộng L 630.000.000 đồng
- Chị Kiều Thị Kim N 238.000.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho
đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên pH thi hành án
còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy
định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của: Chị Trương Thị Mỹ X số tiền
172.000.000đ, chị Phạm Thị T số tiền 70.000.000đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Phó Hoàng T pH chịu án phí sơ thẩm là
60.330.000 đồng. Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Kim P còn pH chịu án phí dân sự sơ
thẩm 38.040.000 đồng.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho các nguyên đơn tại Chi cục Thi hành
án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

+ Chị Phạm Thị H 12.100.000đ theo biên lai thu tiền số 0004006 ngày
08/6/2021

+ Chị Huỳnh Thị Xuân T 15.960.000đ theo biên lai thu tiền số 0004004
ngày 08/6/2021

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ T 5.100.000đ theo biên lai thu tiền số 0004003
ngày 08/6/2021

+ Chị Phạm Thị T 8.287.500đ theo biên lai thu tiền số 0004209 ngày 16/12/2021

+ Chị Nguyễn Thị Mộng L 18.300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004060 ngày 06/7/2021

+ Chị Kiều Thị Kim N 5.950.000đ theo biên lai thu tiền số 0004186 ngày 07/12/2021

+ Chị Trương Thị Mỹ X 4.300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004046 ngày 25/6/2021

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rỡ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
--------------------------	--------------------------------------

